

Viên-Liêu-Phàm

*Liêu phàm
Tứ Huấn*

了凡四訓



*Lưu-Minh-Chánh dịch
Vô-Tri Cư-Sĩ hiệu đính*

Lời tựa

Đã sinh làm kiếp người, mỗi người chúng ta đều muốn có được một số mệnh tốt, đó là hai chữ phước lộc. Chẳng những thế, lại còn muốn được thêm chữ thọ nữa. Lòng thì ước như vậy, nhưng Trời có thuận theo lòng người chăng? Theo thuyết nhân quả của nhà Phật: Trồng lành thì gặt phúc, gieo ác thì gặt họa. Kinh Dịch viết: Tích thiện tất có cát khánh, tích bất thiện tất gặp tai. Kinh Thi: Tự cầu đa phúc. Kinh Cảm-Ứng: Họa phúc vô môn, duy nhân tự triêu. Kinh điển của tam-giáo đã chỉ rõ, họa phúc ở ngay trong cõi lòng của chúng ta. Người đời không hiểu, thường hay cầu Thần cúng Phật mong được Trời Phật giáng phúc, có biết đâu tâm người là một thửa ruộng, phúc lộc thọ đều ở trong đó, nếu biết canh tác, suốt đời hái không hết.

“Liễu-Phàm Tứ-Huấn” là kinh nghiệm hành thiện của Ông Viên-Liễu-Phàm để lại khuyên đời. Đó là phương pháp canh tác thửa ruộng trong lòng người, bao gồm: Phương pháp lập mệnh, phương pháp sửa lỗi, phương pháp tích thiện và phương pháp nuôi lấy đức khiêm. Nếu thực hành theo lời huấn của cuốn sách này, số mệnh sẽ không còn ràng buộc được ta nữa, và ta cũng là một vị “liễu phàm” vậy.

Mùa thu năm Bính-Tý, 1996

Dịch giả kính tữ

1) Phương pháp lập mệnh

Ta mồ côi cha từ thuở nhỏ. Khi lớn khôn, thân-mẫu khuyên ta theo học nghề y, một là có thể nối nghiệp cha, hai là có thể cứu nhân độ thế. Nên ta nghe theo lời mẹ, bỏ lối học từ chương mà theo đường y học.

Một hôm đi ngang qua chùa Từ-Vân, ta gặp một lão nhân, cốt cách phi phàm, hai người đàm đạo rất là tâm đầu ý hiệp. Thoáng nhìn qua nét mặt của ta, lão nhân nói:

– Các-hạ có số làm quan, năm sau sẽ thi đỗ tú tài, sao không trau dồi kinh sử chuẩn bị đi thi?

Ta bèn kể rõ lý do của mình và hỏi danh họ của lão nhân. Lão già nói:

– Ta họ Khổng, người Vân-Nam, được chân truyền bộ Hoàng-Cực-Kinh của Thiệu-Khang-Tiết, nay muốn truyền lại cho các-hạ.

Hai người đàm đạo xong, ta mời Khổng lão đến nhà báo cáo tình hình cho thân-mẫu hay. Thân-mẫu khuyên ta hãy ân cần tiếp đãi lão nhân và thử nghiệm tài mệnh lý của lão có linh nghiệm hay không.

Sau nhiều lần thử nghiệm, ta thấy thuật bói toán của lão rất linh, và từ đó tin tưởng vào lời của Khổng lão, chuyên việc bút nghiên, lo việc khoa cử. Trước khi vắc lều chông đi thi, ta nhờ Khổng lão bói toán. Sau khi bấm độn, Khổng lão nói:

– Số người dự thi trong kỳ này cả thảy là 72 người, số người được chấm đậu là 14 người và các-hạ được xếp hạng thứ 9.

Sau kỳ thi, đúng như lời Khổng lão đã đoán, ta trúng tuyển và đứng hạng thứ 9. Thâm kính phục tài bói toán của lão già, nên lại nhờ lão bói cho một quẻ về đường tương lai. Khổng lão bói xong bèn nói:

– Năm xx, các-hạ sẽ thi đậu hạng xx, năm xx làm tri-huyện Tứ-Xuyên, giữ chức ba năm bèn từ quan hồi hương... , năm 53 tuổi, ngày 14 tháng 8, giờ Sửu sẽ qua đời và không có con.

Từ đó trở về sau, mỗi lần đi dự thi, làm quan, ngay cả đến lương bổng là bao, đều không ngoài sự dự đoán của Khổng lão. Do đó ta càng tin tưởng vào số mạng của mình và cho rằng giàu nghèo thọ yếu của một người đều do Trời đã sắp đặt sẵn, dù có cầu cũng vô ích. Cũng vì thế, đối với công danh lợi lộc, cũng như thế thái nhân tình đều đạm bạc như vôi.

Sau khi nhậm chức được một năm, vì chán ngán cảnh đời, ta suốt ngày ngồi thiền. Một hôm trên đường đi Ung-Kinh, đến núi Tê-Hà, ghé vào chùa bái phỏng thiền-sư Vân-Cốc, cùng thiền-sư đàm đạo suốt ba ngày ba đêm mà không ngủ. Thiền-sư Vân-Cốc nói:

– Người phàm không thể thành Thánh hiền là bị vật dục và vọng tưởng ràng buộc. Người như các-hạ có thể ngồi thiền suốt ba ngày mà không màng đến sự đời, đáng vẻ ung dung thản nhiên, quả thật là hiếm có vậy.

Ta đáp:

– Giàu nghèo có số, thọ yếu do Trời định, dù có mơ mộng cũng vô ích.

Đáp xong, bèn kể chuyện gặp Khổng lão của mình cho thiên-sư nghe. Thiên-sư cười và nói:

– Ta tưởng các-hạ là bậc hiền triết, không ngờ cũng chỉ là một phạm phu tục tử mà thôi.

Ta bèn hỏi nguyên do, Thiên-sư Vân-Cốc nói:

– Một người nếu chưa đạt đến mức vô tâm, minh tâm kiến tính, thì khó mà tránh khỏi luật âm dương của tạo hóa. Nếu bị âm dương ngũ hành chi phối, số mệnh tất nhiên sẽ do Trời định. Đó là đối với kẻ phạm phu, còn như đối với những người có công đức lớn hay những kẻ tạo nghiệp quá nặng, thì số mệnh lại chính do mình định đoạt. Mệnh của một người không được tốt đều là do nhân của kiếp trước mà ra cả, nếu như biết hành thiện, tích đức, lấy công của kiếp này mà bù tội của kiếp trước, khi tội hết mà đức còn dư thì tự nhiên sẽ chuyển họa thành phúc được. Trái lại, nếu có được một số mệnh tốt, nhưng hành ác đa đoan, làm tổn đến túc mệnh của kiếp trước, tự nhiên sẽ làm tổn đến phúc đức và tuổi thọ của kiếp này. Các-hạ đã bị vận mệnh chi phối suốt hai mươi mấy năm trời mà không biết tìm cách tu hành để thoát khỏi sự ràng buộc của số mệnh, chẳng phải là phạm phu hay sao?

Ta hỏi thiên-sư:

– Có cách gì có thể tránh được sự ràng buộc của số mệnh chẳng?

Thiên-sư:

– Mệnh do tự tác, tướng do tâm sinh, họa phúc đều do tâm của người tạo ra cả. Chỉ cần do tấm lòng thành ta mà cầu, hành nhân nghĩa đạo đức, tự nhiên sẽ được mọi người tôn kính. Một khi được mọi người tôn kính thì tự nhiên Trời sẽ giáng phúc. Còn như không biết tự xét lấy mình, nuôi mộng hão huyền, dùng thủ đoạn xảo trá để tranh danh đoạt lợi, thì dù tài trí có cao siêu đến cách nào chăng nữa, rốt cuộc vẫn không thể toại nguyện.

Thiền-sư lại hỏi tiếp:

– Các-hạ có tin rằng số của các-hạ sẽ có công danh và có con chăng?

Ta suy nghĩ một lúc rồi đáp:

– Những người có công danh trên đường hoạn-đồ đều là người có phước tướng. Còn như tôi, diện mạo khinh bạc, chưa từng tích một mảy đức nào, lại thêm phần tự tôn, tự kiêu, không có tính kiên nhẫn, tính tình lại hẹp hòi, phóng túng. Những nét xấu này đều là đặc tính của kẻ vô phúc. Tục ngữ có câu: “Đất nhơ thì sinh vật nhiều, nước trong thì không có cá”. Tính tôi thích sống đơn độc một mình, thiếu từ tâm đối với loài vật, không đồng tình với người khác, lại ham uống rượu thức đêm, không biết nuôi dưỡng thần khí. Những nét xấu này đều là nguyên do của kẻ không con.

Thiền-sư Vân-Cốc:

– Sinh con nối dõi tông đường là do sự tích đức nhiều hay ít của từng người. Nếu một người có công đức trăm đời thì sẽ có con cháu nối dõi trăm đời, nếu như công đức chỉ có mười đời thì con cháu cũng chỉ có mười đời. Còn những kẻ

tuyệt tự không con, tất nhiên là không có tích một mảy đức nào cả. Chỉ cần hiểu rõ được nguyên nhân chính mà biến đổi, sửa những nét xấu thành đức hạnh tốt, như biến xảo trá thành thành-thật, biến kiêu-ngạo thành khiêm-tốn, biếng nhác thành cần mẫn, tàn-nhẫn thành nhân-từ, tích công chuộc tội, tự nhiên Trời sẽ thuận theo lòng người, cầu gì được nấy. Trong Kinh Thi có viết: “Nghiệt do Trời giáng còn có thể tránh được, còn như nghiệt do tự mình gây thì chỉ có cách chịu”¹. Khổng lão đoán các-hạ không con, thuộc phần Thiên tạo nghiệt, chỉ cần quảng tích âm đức, một lòng hành thiện thì nghiệt do Trời định cũng có thể tránh được. Kinh Dịch cũng có viết: “Gia đình tích thiện sẽ có cát khánh, gia đình tích ác sẽ để lại tai họa cho con cháu”². Phần họa của tổ tiên có thể di lại cho con cháu, phần phúc cũng thế.

Nghe xong lời của thiên-sư Vân-Cốc, ta sực như tỉnh ngộ, bèn quỳ lạy và cảm tạ lời chỉ điểm của thiên-sư. Trước bàn thờ Phật, ta sám hối về lỗi lầm mình đã phạm, và nguyện sẽ lập 3000 công để báo đáp ơn nghĩa của Trời đất và công lao dưỡng dục của cha mẹ.

Thiên-sư dạy ta về cách thức hành thiện. Hễ mỗi ngày có làm một việc thiện nào thì ghi việc đó vào một cuốn sổ, và nếu như vô ý phạm phải một lỗi lầm nào thì cũng làm tương tự như thế, để xét xem công nhiều hay ít mà cảnh tỉnh cho mình trên đường tu tâm hành thiện. Thiên-sư đồng thời

¹ Thiên tạo nghiệt do khả vi, tự tạo nghiệt bất khả hoạt.

² Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương.

cũng dạy ta niệm Chuẩn-Đề thân chú, mong giúp được phần hiệu nghiệm.

Từ đó trở về sau, ta phát tâm, một lòng hành thiện. Không bao lâu cảm thấy tính sầm uất, cọc cằn hồi xưa đã không còn nữa, trong lòng luôn cảm thấy thư thái, đôi khi gặp sự bất bình cũng bỏ qua mà không tranh chấp, lý luận với người. Qua đến năm thứ ba, đi dự thi, theo như lời đoán của Khổng lão thì ta sẽ đậu hạng ba. Nhưng kết quả thì khác hẳn, trong số đông sĩ tử đi dự thi, ta đứng hạng nhất. Mặc dầu như vậy, ta vẫn luôn tự kiểm điểm lấy mình, vì cảm thấy lỗi hành thiện của mình đôi khi còn có phần miễn cưỡng, chưa đạt đến mức tự nhiên. Như một khi cứu giúp người hầy còn do dự, đắn đo, đôi khi uống rượu say mà thoát ra lời bất chính, có công mà cũng có lỗi. Mãi cho đến năm thứ mười mới làm tròn 3000 điều thiện.

Năm kế, trên đường về quê, ta trở về chùa và tự nguyện sẽ lập thêm 3000 công để chuộc lại lỗi lầm đã phạm. Qua đến năm thứ hai thì con chào đời. Vì thân-mẫu con không biết chữ, nên mỗi lần làm một điều thiện đều lấy viết đóng một khuôn tròn trên tấm lịch. Ta cùng thân-mẫu con đôi khi làm đến mười điều thiện trong một ngày, như giúp người hoạn nạn, bần cùng, mua vật phóng sanh..., chưa đầy ba năm thì đã làm tròn ba ngàn công. Tiếp theo đó, ta lại trở về chùa phát nguyện, lập mười ngàn điều thiện để cầu chức tiến-sĩ. Ba năm sau, mặc dù chưa làm đủ mười ngàn công, nhưng ta đã thi đậu tiến-sĩ và được giữ chức tri huyện Bảo-Chì. Khi nhậm chức này, ta lập ra một cuốn “Trị-tâm-thiên” truyền cho người nhà và nhấn rằng, hễ có làm được một việc thiện

hay phạm phải một lỗi lầm nào đều phải ghi vào cuốn Trị-tâm-thiên này, đồng thời cũng bày hương án để cúng cáo Trời đất. Tuy vậy, thân-mẫu con vẫn thường lo lắng, vì cảm thấy sau khi giữ chức tri huyện, dịch vụ trong huyện rất nhiều, cho nên ít có thì giờ để làm việc thiện, không biết phải đợi đến khi nào mới làm tròn mười ngàn công.

Một hôm ta mơ thấy Thần-nhân đến mách bảo:

“Ông chỉ cần ra lệnh giảm thuế má của dân trong huyện thì mười ngàn công sẽ đủ”. Thì ra thuế điền ở huyện Bảo-Chì rất cao, ta bèn ra lệnh giảm đi một nửa, nhưng trong lòng vẫn còn hoài nghi: “Chẳng lẽ ra một mệnh lệnh giảm thuế như vậy lại có được một công lớn như vị Thần đã chỉ dẫn hay sao?”. Trong lúc đang suy nghĩ về vấn đề này, chợt thấy gia nhân đến báo tin là có thiên-sư Huyền-Vi từ Ngũ-Đài-Sơn đến viếng.

Ta cho người mời thiên-sư vào, và đem chuyện nằm mơ của mình kể cho thiên-sư Huyền-Vi hay. Thiên-sư đáp:

– Người có lòng thành chí thiết, dù chỉ làm có một việc thiện, nhưng cũng đủ mười ngàn công, huống chi ông lại giảm thuế cho dân trong huyện, cả chục vạn dân đều chịu ơn này.

Được thiên-sư Huyền-Vi chỉ điểm, lòng ta bớt đi được nỗi lo âu, bèn đem số bổng lộc có được nhờ thiên-sư mang về Ngũ-Đài-Sơn để cúng dường chư tăng trong chùa.

Từ lúc gặp thiên-sư Vân-Cốc và hành thiện theo lời chỉ dẫn của thiên-sư, vận mệnh của ta đã thay đổi ngoài sự tiên đoán của Khổng lão. Khổng lão đoán ta sẽ chết vào năm 53

tuổi, ta cũng không cầu đảo xin Trời tăng thêm tuổi thọ, nhưng đến nay ta đã 69 tuổi mà vẫn còn khỏe. Dù không cầu có con, nhưng vẫn sinh được con.

Sách Thượng-Thư viết: “Đạo Trời thật khó lường, Mệnh người không định”. Lại viết: “Mệnh người không định, tùy lòng người mà thay đổi”. Thật không ngoa! Do đó ta biết được họa và phúc đều do tự mình cầu lấy. Đó là lời của Thánh hiền. Nếu nói họa và phúc của người là do Trời định thì đó là lời nói của thế tục vậy.

Mệnh của một người chưa biết ra sao. Nhưng, dù là người có số vinh hiển, cũng thường nên tự nghĩ là thấp hèn. Dù đang ở trong một hoàn cảnh thuận lợi, cũng nên nghĩ rằng đang ở trong nghịch cảnh. Dù đang ở trong cảnh phú quý, cũng thường nên nghĩ rằng đang ở trong cảnh bần cùng. Dù được người yêu kính, cũng thường nên nghĩ rằng đang ở trong cảnh lo sợ. Dù là thế gia được người trọng vọng, cũng nên tỏ vẻ tự ti mà không kiêu. Dù có học vấn uyên bác, cũng nên nghĩ rằng ta chỉ là một người thiển lậu.

Người quân-tử khi nghĩ xa thì lo việc làm rạng rỡ cái đức của tổ-tông, gần thì nghĩ cách đền bù lỗi lầm của cha mẹ, trên thì nghĩ cách báo đáp ơn nghĩa của tổ quốc, dưới thì nghĩ cách mang hạnh phúc đến cho gia đình, ngoài thì lo việc cứu nhân tế thế, trong thì nghiêm cách giữ mình không sinh lòng tà. Hằng ngày đều phản tỉnh, sửa lỗi. Nếu một ngày không phản tỉnh hay tự cho rằng không có lỗi, tức là sinh lòng an dật và không có tiến bộ.

Trên đời không thiếu gì những kẻ thông minh tuấn tú,

nhưng đức không tiến, nghiệp không tu, cũng chỉ vì hai chữ an dật mà hoang phí cả một đời.

Thuyết lập mệnh của thiền-sư Vân-Cốc thật là tinh-vi thâm-thúy, cần phải ra công nghiên cứu và thực hành mới hiểu được.



2) Phương pháp sửa lỗi

Số mệnh của một người, dù không được tốt, chỉ cần hành thiện vẫn có thể sửa đổi được. Nếu một người có được số mệnh tốt nhưng làm nhiều điều ác, sau cùng mệnh cũng trở nên xấu. Cho nên số mệnh không thể ràng buộc người, mà là do chính mình tạo nên. Người thường chúng ta không phải là Thánh-nhân, tránh sao không có lỗi. Đức Khổng-Tử nói: Khi có lỗi chớ nên sợ, quý ở chỗ là biết sửa.

Trong sách Tả-Truyện và Quốc-Ngữ ghi chép, những vị đại-phu thời Xuân-Thu thường xét người qua cử chỉ và hành động mà đoán được phúc họa. Đại để, việc hung cát của một người đều có triệu chứng, trước hết là nẩy mầm ở nơi tâm, sau mới thể hiện ở nơi thân. Người có lòng nhân hậu sẽ được phúc báo, kẻ hà khắc thì tránh không khỏi họa, mất phàm của người thường nhìn không thấu, cho rằng họa phúc không thể đoán được.

Lòng chí thành thì hợp với Trời, xét việc thiện của một người mà biết được phúc sắp đến, xét việc ác của một người mà đoán được họa sắp kề. Nay muốn gạt phúc và rời họa, chưa nói đến việc thiện là phải nhắc đến việc sửa lỗi trước.

Sửa lỗi có nhiều phương pháp:

Thứ nhất là phải có lòng si

Ta phải nghĩ rằng, Thánh hiền với ta đều do cha mẹ sinh, nhưng để lại tiếng thơm muôn đời, còn ta chỉ là kẻ vô danh như đồng gạch vụn, hằng ngày chìm đắm trong vòng danh lợi, làm việc bất nghĩa, tưởng là người không biết mà chẳng lấy làm thẹn, dần dần đi vào con đường cầm thú mà không hay. Việc tột nhất trên đời còn gì lớn hơn hai chữ si nhục. Thầy Mạnh-Tử nói: “Chữ si đối với người rất quan trọng, người có lòng si có thể trở thành Thánh hiền, không có lòng si dần dần sẽ trở nên cầm thú”. Cho nên việc sửa lỗi là điều tối quan trọng.

Thứ hai là phải có lòng kính sợ

Ta nên biết rằng, trên có Trời đất, giữa có Quỷ Thần, hành động mờ ám của ta tuy ẩn vi kín đáo, nhưng đều có Trời đất Quỷ Thần soi xét, lỗi nhẹ thì giáng trăm điều tai họa, nặng thì tổn đi phúc hiện tại, ta há không sợ hay sao? Chẳng những thế, trong lúc nhàn cư ở chỗ người không thấy, nhưng mắt Trời lại soi như điện chớp, nhìn thấu cả tạng phủ của ta, trước sau cũng lộ ra và hiện nguyên hình, và sau cùng mọi người đều hay. Ta há không sợ hay sao?

Chẳng những thế, trong lúc còn hơi thở, một người dù tội lỗi tày trời vẫn có thể hối cải được. Ngày xưa có người làm ác suốt đời, đến lúc sắp chết biết được mình có tội mà hối hận, phát tâm một lòng thiện mà hối cải và sau cùng

được thiện chung³. Đó là một ý niệm hối cải dững mãnh đủ rửa đi tội ác đã tích trữ hàng trăm năm, như một u-cốc ngàn năm, khi thấp lên ngọn đuốc thì ngàn năm u tối đều biến mất. Cho nên lỗi không luận là lớn nhỏ, mới hay cũ, biết sửa là quý.

Nhưng thế đời vô thường, thân người dễ chết, nếu hơi thở không còn, muốn sửa thì đã muộn. Tội ác ở nơi dương gian, dù con cháu hiền từ cũng không thể rửa cho sạch được. Trầm luân ở cõi u-minh, dù Phật, Bồ-Tát, Thánh Hiền cũng không thể tiếp dẫn và cứu vớt được. Như thế không lo sợ sao được?

Thư ba là phải có lòng can đảm

Người có lỗi mà không sửa đều là do dự không quyết, nên đã sai rồi lại càng sai thêm. Trái lại có lỗi biết là không đúng, phải có lòng can đảm để sửa, không thể trì hoãn. Lỗi nhỏ như bị gai châm vào thịt, phải tìm cách lấy ra. Lỗi lớn như bị rắn độc cắn phải, nếu không nhanh tay buộc chặt lấy vết thương, nạo hết nọc độc ra thì sẽ nguy đến tính mạng. Do đó quẻ Ích trong kinh dịch tạo bởi hai quẻ Tốn (*Phong*) và Chấn (*Lôi*), lời tượng của quẻ Ích viết: “Người quân-tử thấy điều thiện thì theo nhanh như gió, như thế thì có việc thiện nào trong thiên hạ mà không làm được. Có lỗi thì sửa mạnh như sấm, như thế thì có lỗi gì mà không sửa được”.

Hội đủ ba tấm lòng thì chẳng có lỗi gì mà không sửa được, như băng mỏng trong mùa Xuân khi gặp ánh mặt trời

³ *Chết một cách an lành.*

thì sẽ tiêu tan. Nhưng lỗi của người có thể từ nơi sự việc mà sửa, có từ lý mà sửa, cũng có từ tâm mà sửa. Vì công phu không giống nhau nên hiệu quả cũng khác biệt.

Thí dụ, ngày xưa phạm tội sát sinh, nay giới sát mà không giết nữa. Hôm trước sinh lòng phần nộ, hôm nay không còn giận dữ nữa. Đó là trên sự việc mà sửa, do sức miễn cưỡng mà làm nên công phu khó nhọc và căn bệnh vẫn còn, vì diệt ngày hôm nay cũng sẽ sinh vào ngày mai, không phải là cứu cánh. Người khéo sửa lỗi, khi sự chưa làm thì đã hiểu được lý. Như lỗi ở nơi sát sinh, khi chưa giết vật thì nên nghĩ rằng: Thượng-Đế có đức háo sinh, loài vật đều tham sống sợ chết, ta lại nỡ nào lại giết vật mà làm ngon miệng mình. Lại nghĩ rằng, loài vật khi bị giết đã bị dao cắt, lại còn phải chịu cảnh luộc nấu, hay xào chiên ở trong nồi, sự đau khổ này nếu là ta, ta sẽ nghĩ sao. Hơn nữa giết vật nuôi ta một bữa, khi ăn xong rồi cũng trở nên không. Rau cải cũng có thể nuôi sống ta, sao lại nhẫn tâm đi giết loài vật mà tạo thêm oán thù và làm tổn phúc tổn thọ của mình.

Lại nghĩ rằng, phàm loài vật có khí huyết đều có linh tính, đã có linh tính thì cùng thể với ta. Tuy rằng ta không có đức của Thánh-nhân làm cho loài vật gần gũi ta, mến phục ta, nhưng cũng không đến nỗi phải giết vật mà kết thành oán thù đời đời. Nghĩ đến đây, khi ăn thịt vật, lòng ta làm sao nuốt vào cổ được.

Như hôm trước giận nộ, nên nghĩ rằng: Mỗi người đều có ưu điểm và khuyết điểm, khi gặp người vô lễ với ta, ta nên nghĩ rằng người đó không bằng ta và khả năng đều kém

ta nên không hiểu lý, do đó ta phải thương hại cho họ hơn là sinh lòng giận dữ hay trách móc, cơn giận đó tự nhiên sẽ nguôi.

Lại nghĩ rằng, trong thiên hạ không có người nào tự cho mình là hào-kiệt, cũng không có học vấn nào để oán trách người. Phàm việc ta không làm được đều là đức ta chưa đủ nên chưa có cảm ứng mà phải phản tỉnh lấy mình, như thế khi gặp hủy báng đều xem như là một cơ hội cho ta mài luyện, mà tiếp nhận một cách thản nhiên, như thế thì giận từ đâu mà sinh.

Lại nữa, nghe lời hủy báng mà không nộ, tuy người vô lễ trách móc ta, cứ xem như là người đang cầm lửa để đốt không trung, trước sau cũng tắt. Nghe lời hủy báng mà giận nộ, tuy dùng đủ mọi lời để bàn cãi nhưng cũng chỉ như tầm kết kén, tự buộc lấy mình mà thôi. Giận nộ chẳng những vô ích mà lại còn có hại nữa.

Tất cả tội lỗi nói trên, nếu lấy lý mà suy nghĩ, thì tội lỗi sẽ không còn sinh nữa.

Thế nào gọi là từ tâm mà sửa

Lỗi tuy có ngàn vạn, nhưng chỉ sinh từ một tâm, nếu tâm bất động thì lỗi từ đâu mà sinh? Đối với háo sắc, háo danh, háo tài vật, hay giận nộ... đối với tất cả những lỗi này, ta không cần truy tầm nguyên do, chỉ tồn lấy một tấm lòng hành thiện, thì ý niệm chánh sẽ hiện ra trước mặt, tà niệm tự nhiên sẽ tránh xa, như ánh mặt trời ở giữa không, loài vông

lượng⁴ sẽ phải lẩn tránh. Lỗi từ tâm mà sinh và cũng từ tâm mà sửa. Như muốn trừ đi một cây có độc thì phải nhổ từ rễ, cần chi phải trừ lá hay cắt cành.

Phương pháp trị tâm hay nhất là giữ cho tâm được thanh tĩnh, khi tâm dao động tức khắc giác ngộ, khi giác ngộ sẽ trở nên vô. Đó là phương pháp thượng thừa. Nếu không giác ngộ được thì cần phải dùng lý để khiến trừ, nếu vẫn không khiến được, tức thời tùy nơi sự việc mà ngăn chặn, không cho sự việc phát sinh. Đây là phương pháp hạ thừa.

Cách sửa lỗi hay nhất là áp dụng ba phương pháp tu tâm, hiểu lý, và ngăn sự. Nhưng nếu chỉ biết ngăn sự mà không hiểu lý với tu tâm, thì là một điều thiếu sót vậy.

Đã phát nguyện sửa lỗi, cần phải có bạn tốt nhắc nhở, có quỷ thần chứng minh, với một lòng thành sám hối, ngày đêm không dứt, trải qua một tuần, hai tuần, cho đến một tháng, hai tháng, ba tháng, tự nhiên sẽ có hiệu nghiệm. Hoặc là tâm thần phóng khoáng, hoặc là trí tuệ đốn khai, hoặc là gặp chuyện phiền hà mà tự nhiên được thông suốt, hoặc là gặp oán thù mà đổi giận thành vui, hoặc là mơ thấy mình ói mửa ra vật đen, hoặc là mơ thấy Thánh hiền đến tiếp dẫn, hoặc là mơ thấy bay lượn giữa không trung, hoặc là mơ thấy cờ xí, bửu cái... đều là những điềm tốt, tượng trưng cho tội lỗi cũ đã không còn nữa. Nhưng cũng không thể chấp trước tự kiêu mà làm cản trở bước tiến trên con đường tu tâm.

Ngày xưa, Cừ-Bá-Ngọc⁵ khi đến năm 20 tuổi đã biết

⁴ Là yêu tinh của loài cây cỏ.

⁵ Quan đại-phu nước Vệ thời Xuân-Thu

được lỗi lầm của mình mà bắt đầu sửa. Đến năm 21 tuổi thì biết được mình còn có lỗi chưa sửa hết được. Đến năm 22 tuổi quay ngược lại nhìn 21 năm về trước thì như là một giấc mộng, năm qua năm đều phản tỉnh, đến năm 50 tuổi lại nhìn thấy những chỗ sai lầm của 49 năm trước. Thuật sửa lỗi của các bậc hiền triết ngày xưa còn công phu như thế, còn phân ta, kẻ phạm phu, đã tích biết bao nhiêu tội lỗi, nhưng mỗi khi hồi tưởng lại những việc đã qua mà lại không thấy rõ lỗi của mình, đó là một cái bệnh, như mắt của người có bệnh mà không thể nhìn được vậy.

Người có tội lỗi nhiều cũng có hiệu nghiệm, như tâm thần hôn mê, có tính mau quên, hay trong lúc vô sự mà thường hay phiền não, hay thấy người quân-tử mà cảm thấy xấu hổ, hay nghe lời nói ngay thẳng mà tỏ vẻ không vui, hay là thí ơn cho người mà lại hối hận và oán hờn cho mình, hay là nằm mơ thường gặp ác mộng, và hay lỡ miệng mất lời. Tất cả những triệu chứng này đều là nghiệp tướng của tội lỗi, nếu có một trong những dấu hiệu này thì phải phản tỉnh, mà phát tâm sửa lỗi, để trở thành một con người hoàn thiện. Trái lại sẽ tự làm hại đến mình mà không hay.

Chương này nói về phương pháp sửa lỗi, có thể sửa đi lỗi của kiếp này thì mệnh tốt sẽ không biến thành xấu. Nhưng nếu chỉ là không có lỗi, vẫn không thể làm cho mệnh xấu trở nên tốt được. Tuy kiếp này chưa phạm phải lỗi lầm và cũng không gây nên tội gì, nhưng tiền kiếp của ta có bao nhiêu tội lỗi, ta nào biết được. Tuy kiếp này không tạo nghiệp, nhưng nếu tiền kiếp có tội lỗi, thì vẫn phải chịu quả báo.

3) Phương pháp tích thiện

Kinh Dịch viết: “Gia đình tích thiện sẽ có nhiều việc tốt lành”. Ngày xưa gia đình họ Nhan trước khi gả con cho Thúc Lương-Hột, đã phải tra xét tổ-tiên mấy đời của giòng họ này, khi biết được gia tộc này đã tích đức nhiều đời, mới chịu cho con vu quy. Đức Khổng-Tử, vị Thánh vạn thế sư biểu, chính là con của Thúc-Lương-Hột. Đức Khổng-Tử ca ngợi lòng hiếu thảo của vua Thuấn: “Khi vua Thuấn tế tổ, tổ tiên sẽ đến hưởng”, vì đức hiếu của vua Thuấn cảm động đến cả Trời đất. Chẳng những thế, con cháu của vua Thuấn cũng được hưởng phần đức đó. Nước Trần trong thời Xuân-Thu chính là hậu duệ của vua Thuấn. Nay lấy thêm một vài bằng chứng cụ thể để dẫn chứng.

➤ Dương-Vinh, người huyện Kiến-Ninh tỉnh Phước-Kiến, làm quan đến chức thiếu-sư⁶, Tổ-tiên mấy đời đều làm nghề lái đò đưa người quá giang. Một lần trong làng xảy ra nạn hồng thủy, nhà cửa bị nước cuốn trôi, trong số những người lái đò, nhiều người nhân cơ hội này làm giàu bằng cách vớt lấy những đồ dùng quý báu trôi nổi trên mặt nước, trong khi đó tăng tổ của Dương-Vinh chỉ lo cứu vớt những

⁶ Là chức quan dạy học cho vua.

người chết đuối. Đến đời thân phụ của Dương-Vinh, một Thần nhân hóa thân làm đạo-sĩ đến nhà nói rằng: Tổ tiên ông tích đức nhiều đời, gia tộc ông sau này sẽ thịnh, nay ta chỉ cho ông một chỗ, và đem hài cốt của thân sinh và tổ phụ của ông chôn vào nơi đó. Thân phụ của Dương-Vinh làm theo lời dặn, khi sinh ra Dương-Vinh, quả nhiên tuổi trẻ tài cao, thi đỗ làm quan đến chức tam-công trong triều. Về sau, con cháu của Dương-Vinh cũng đều hiển đạt.

➤ Ở huyện Cần có người Dương-Tự-Trường, giữ chức huyện-lê trong huyện, là người có lòng nhân hậu, giữ phép công bằng. Nhưng cấp trên là quan huyện-tể, là một người nghiêm ngặt, tính rất oán ghét những kẻ phạm pháp. Có một lần Dương-Tự-Trường thấy một tù nhân bị quan huyện-tể đánh đập một cách tàn nhẫn, máu me lai láng đầy mình mà quan huyện-tể vẫn chưa nguôi cơn giận. Dương-Tự-Trường cảm thấy thương hại, bèn quỳ xuống trước mặt quan huyện-tể mà xin tội cho phạm-nhân. Quan huyện-tể vẫn chưa nguôi được cơn giận, đáp rằng:

– Người này làm việc trái lý phạm pháp, những kẻ như vậy chỉ làm hại cho xã hội mà thôi, không giận sao được.

Dương-Tự-Trường cúi lạy bạch rằng:

– Trong nước loạn lạc đã lâu, cấp trên không noi theo đạo lý mà hành sự thì những kẻ ở dưới là bá tánh làm sao có được một gương tốt mà noi theo. Việc xét án, nếu tra xét

được hư thực ta còn phải thương cho phạm-nhân, đã mang tội phải chịu hình phạt, mà không thể tỏ lòng vui mừng. Còn như giận nộ mà đánh đập, e rằng nghi can không có tội, nhưng không chịu được cảnh hành hạ, đánh đập, đành phải khai nhận. Như thế chẳng phải là oan cho người hiền chăng?

Quan huyện-tể nghe lời của Dương-Tự-Trùng có lý, nên nguôi cơn giận và từ đó không còn ra tay đánh đập tù-nhân nữa.

Dương-Tự-Trùng là vị quan nghèo, nhưng mỗi khi có người đem lễ vật đến biếu, ông ta không khi nào nhận. Mỗi khi tù-nhân thiếu lương thực, ông thường ra tay tiếp tế. Có một lần, một số tù-nhân mới không có lương thực, và gia đình ông cũng đang thiếu gạo, nếu giúp người tù thì người nhà phải chịu đói, nhưng thấy tù-nhân da mặt xanh xao, trông thật đáng thương, bèn đem việc nuôi tù bàn với người vợ. Vợ hỏi rằng:

– Tù nhân từ đâu đến?

Dương-Tự-Trùng đáp:

– Từ Hàng-Châu đến, trên đường chưa ăn uống gì cả.

Người vợ nghe xong, bèn đem số gạo còn lại mang đi nấu cháo cho tù-nhân ăn.

Về sau người vợ sinh được hai người con trai. Con lớn là Thủ-Trần, con thứ hai là Thủ-Chỉ, làm quan đến chức Nam Bắc Lại-Bộ thị-lang. Hai người cháu cũng là danh thần trong triều. Nay hai vị Sở-Đình và Đức-Chính cũng là hậu-duệ của Dương-Tự-Trùng.

➤ Vào giữa năm Chính-Thống, có thổ-phỉ là Đặng-Mậu-Thất làm loạn ở Phước-Kiến, số người ùa theo cũng đông, trong đó cũng có một vài sĩ-tử, triều đình triệu quan ngự-sử huyện Cần là Trương-Hiến-Khải mang quân đi dẹp loạn. Trương-Hiến-Khải dùng kế bắt được Đặng-Mậu-Thất, nhưng dư đảng của Thất vẫn còn hoành hành ở miền Đông của tỉnh Phước-Kiến, Trương-Hiến-Khải sai quan bố-chánh ty là Tạ-Đô-Sự mang quân đi tiêu trừ, và dặn rằng, hễ bắt được giặc là phải giết đi để trừ hậu hoạn. Tạ-Đô-Sự là người nhân hậu, e rằng quân lính của mình lạm sát người vô tội, nên tìm cách lấy danh sách của bọn giặc, và xét rằng, phàm những người không có tên trong danh sách đó đều không phải là đồng đảng của bọn giặc, chỉ vì lo sợ bọn cướp làm hại đến tính mạng, bắt đắc dĩ phải ùa theo mà thôi. Nên phát cho những người này một lá cờ trắng để cắm trước cửa, và dặn quan binh rằng, hễ nhà nào có cắm lá cờ trắng trước cửa đều không thể bắt giết.

Sau cuộc tiêu trừ này, Tạ-Đô-Sự cứu được trên một vạn người vô cố khỏi phải chết oan, và dư đảng của Đặng-Mậu-Thất hoàn toàn tan rã từ đó. Về sau, con của Tạ-Đô-Sự là Tạ-Thiên thi đậu trạng-nguyên, làm quan đến chức tể-tướng, người cháu là Tạ-Phi cũng thi đậu thám-hoa.

➤ Ở huyện Bồ-Điền tỉnh Phước-Kiến có người Lâm thị, tổ tiên đời trước có người mẹ lạc thiện háo thí, thường hay làm bánh bao bố thí cho người. Một vị Tiên hóa thân làm một đạo-sĩ, mỗi ngày đều đến nhà hóa duyên sáu bảy cái bánh bao. Trải qua ba năm, Tiên nhân thấy lòng thiện của người này mới nói rằng:

– Ta ăn bánh của bà đã ba năm, không biết lấy gì để báo đáp, nay đến báo cho bà hay phía sau nhà bà có một miếng đất tốt, sau khi bà tịch thì dặn con cháu đem chôn ở chỗ đó, con cháu sau này đều có tước lộc.

Sau khi bà chết, người con làm theo lời dặn, đem di thể bà chôn ở miếng đất do Tiên nhân đã chỉ. Qua đến đời sau, quả nhiên gia tộc này có đến chín người đăng khoa, và liên tiếp mấy đời, con cháu của bà này đều đăng làm quan lớn. Người trong huyện đương thời thường truyền rằng: Mỗi lần giông họ Lâm có người đi thi, trong danh sách không khi nào có người bị lọt số.

➤ Thân-phụ của quan thái-sử Phùng-Trác-Am, khi còn là ấp-tường-sinh⁷, một hôm vào một ngày giá lạnh của mùa Đông, trên đường đi đến trường, trông thấy một người té nằm trên mặt tuyết, bèn tiến gần để xem cứu cánh. Thấy thân thể người này gần như bị chết cứng, liền cởi chiếc áo

⁷ Ấp tức là huyện. Ngày xưa, một người sau khi thi đỗ tú-tài, được vào học trong trường huyện thì gọi là ấp-tường-sinh.

bằng da của mình cho nạn nhân mặc, đồng thời công nạn nhân trở về nhà mình cứu chữa. Sau khi cứu xong người này, thân-phụ của quan thái-sử nằm chiêm bao, thấy Thần-nhân đến mách bảo:

– Ông cứu sống một mạng người với một tấm lòng chí thành, nay ta cho Hàn-Kỳ⁸ đầu thai làm con của ông.

Quả nhiên không bao lâu bèn sinh ra Trác-Am. Cũng vì thế mới đặt tên tự là Kỳ.

➤ Ung thượng-thư ở phủ Đài-Châu, thời tráng niên thường hay đi vào rừng đọc sách. Trong rừng thường có quỷ đến quấy rầy, nhưng Ung công vẫn không sợ sệt. Vào một buổi hoàng hôn, Ung công nghe một tên quỷ nói rằng:

– Trong xóm này có một thiếu-phụ, chồng đi buôn bán ở ngoài lâu năm vẫn chưa thấy về, cha mẹ chồng tưởng con mình đã chết, nên ép con dâu tái giá. Nhưng thiếu-phụ này rất chung thủy với người chồng, không muốn tái giá, nên ngày mai sẽ đến treo cổ chết tại đây. Lúc có người đến thế, ta sẽ được đi đầu thai.

Nghe lời quỷ nói xong, Ung công thấy thương hại cho thiếu-phụ, bèn trở về nhà bán đi một thửa ruộng của mình, lấy được bốn lượng bạc, và lập tức viết một lá thư, giả mạo

⁸ Là một người văn võ song toàn, đã từng làm tể-tướng trong hai triều vua Anh-Tông và Thần-Tông thời Tống.

là chồng của thiếu-phụ cùng với bốn lượng bạc gửi về cho thiếu-phụ.

Sau khi nhận được thư, cha mẹ chồng của người thiếu phụ nhìn bút tích không giống chữ của con mình, nên tỏ vẻ hoài nghi. Nhưng sau đó nghĩ lại, thơ tuy không phải do con mình viết, có thể là giả, nhưng tiền bạc thì là thật. Trừ con mình ra, có ai vô cớ lại gửi tiền cho mình đâu? Nên tin rằng con của mình hãy còn sống, và không bắt ép con dâu đi tái giá nữa. Về sau chồng của thiếu phụ quả nhiên trở về, vợ chồng được sum họp, cả gia đình đều mừng rỡ.

Vài ngày sau, Ứng công lại nghe tiếng quý nói:

– Đúng ra là ta đã được đi đầu thai, nhưng bị thằng tú-tài này làm hỏng chuyện, nên sự không thành.

Một con quý khác nói:

– Thế tại sao không làm hại nó đi?

Quý kia đáp:

– Không được đâu. Người này là một người chính trực, có lòng nhân-tử, Thượng-Đế đã chọn nó làm thượng-thư ở chỗ âm-phủ rồi, ta làm sao làm hại nó được?

Ứng công nghe xong, từ đó lại càng tích cực hành thiện, công đức mỗi ngày một lớn. Mỗi khi gặp nạn đói kém, ông thường lấy gạo ra cứu tế. Mỗi lúc họ hàng thân thích gặp lúc nguy cấp, ông dùng đủ mọi cách để giúp người qua cơn hoạn nạn. Khi gặp nghịch cảnh, ông thường hay phản tỉnh lấy mình mà không trách người, cũng không oán Trời. Con cháu của ông về sau đều vinh hiển.

➤ Huyện Thường-Thục tỉnh Giang-Tô có người Từ-Trúc-Phụng, thân-phụ là một người giàu có đương thời. Khi gặp nạn mất mùa, thân phụ ông đem tiền thuế thu được từ người tá điền mang ra cứu trợ cho dân trong làng để làm gương cho những người giàu khác noi theo, đồng thời cũng lấy gạo ra giúp đỡ người đói kém. Một đêm, mọi người đều nghe thấy có tiếng quỷ hát trước cửa nhà họ Từ:

– Ngàn không ngoa, vạn không ngoa, tú-tài của nhà họ Từ sẽ đăng khoa.

Và nhiều đêm liên tiếp như vậy, dân làng đều nghe thấy tiếng quỷ hát câu này trước nhà họ Từ. Trong năm đó, Từ-Trúc-Phụng dự kỳ thi hương quả nhiên đậu cử-nhân.

Thân-phụ của Từ-Trúc-Phụng từ đó càng tích cực hành thiện, như sửa cầu đắp đường, bố thí cúng dường tăng ni. Phàm là việc hữu ích cho người, ông đều tận tâm hết sức. Về sau lại nghe thấy có tiếng quỷ hát trước nhà họ Từ:

– Ngàn không ngoa, vạn không ngoa, cử-nhân nhà họ Từ sẽ được làm quan.

Về sau Từ-Trúc-Phụng làm quan đến chức tuần-phủ.

➤ Đô-Khang-Hi người phủ Gia-Hưng tỉnh Chiết-Giang,

khi giữ chức hình-bộ đô-sự, thường hay ngủ bên nhà tù để tra xét tình hình của phạm-nhân. Ông tra hỏi nhiều tù-nhân, được biết rằng nhiều người vì bị mắc oan mà vào ngục và do đó ông tìm cách giải oan cho họ.

Đúng ra ông là người giải oan có công, nhưng ông không cho đó là công trạng của mình, mà đem danh sách và lời khai của những người bị oan viết thành công văn trình lên cho cấp trên để xét lại. Đến thời kỳ xét án, vị quan hình-bộ mới phát hiện những người đó đều bị hàm oan mà vào tù, do đó đều cho những người này được trắng án. Dân trong kinh thành đều ca ngợi vị quan xét án là minh quan.

Đồ Khang-Hy lại bạch cùng quan thượng-thư rằng:

– Ở kinh thành, nơi nhà vua cư ngụ còn nhiều người mắc oan như vậy, khắp nước, ở những miền xa xôi hẻo lánh, số người bị hàm oan có lẽ còn nhiều hơn. Đại nhân nên tâu cùng thánh-thượng, mỗi năm năm sai một vị quan giám hình đi khắp các tỉnh để tái xét án tình của dân. Nếu xét ra thực sự có tội thì phải trừng phạt cho xứng đáng, tội nhỏ thì giảm hình, vô tội thì phóng thích. Như thế người dân mới thấm nhuần được đức chánh của thánh-thượng.

Quan thượng-thư nghe lời của Đồ-Khang-Hy thật có lý, bèn viết sớ tâu cùng vua. Vua y chuẩn theo lời tâu và Đồ-Khang-Hy là một trong số những người được chọn làm quan giám hình đi tra án.

Trong đêm đó, Đồ-Khang-Hy nằm mơ thấy một vị Thần đến nói rằng:

– Số của ông không có con, nay vì lời nghị về việc tái

xét và giảm hình của ông hợp với lòng Trời, Thượng-Đế tặng cho ông ba người con, sau này đều đăng vinh hiển.

Về sau, người vợ của Đồ-Khang-Hy quả nhiên sinh được ba người con là Ứng-Tổn, Ứng-Khôn và Ứng-Thuân. Ba người đều là quan lớn trong triều.

➤ Gia-Hưng có người Bao-Bằng, hiệu Tín-Chi, phụ thân đã từng làm tri-phủ Trì-Châu. Bảy người con trong gia đình Bằng là người con út, được người họ Viên của huyện Bình-Hồ kén làm rể. Bằng thường giao thiệp và chơi thân với thân-phụ ta⁹. Học vấn và kiến thức của ông sâu rộng, nhưng vận ông không may, nhiều lần dự kỳ thi hội mà vẫn không đậu. Ông thích nghiên cứu kinh điển của Phật-giáo và Đạo-giáo. Có một lần ông đi dạo ở hồ Mão¹⁰, tình cờ thấy một ngôi chùa cũ trong làng dột nát từ lâu mà không người sửa chữa, pho tượng Quan-Âm trong chùa bị nắng mưa làm hư. Bao-Bằng liền trích mười lạng bạc trong mình ra giao cho hòa-thượng chủ trì để tu sửa lại ngôi chùa. Hòa-thượng đáp:

– Tu sửa lại ngôi chùa là một công trình lớn, e rằng mười lạng bạc đó không thể làm trọn tâm nguyện của thí chủ.

⁹ Thân-phụ của tác giả.

¹⁰ Ở phủ Tùng-Giang, tỉnh Giang-Tô

Bao-Bằng nghe hòa-thượng nói thế, liền sai người bện lấy thêm mười tấm vải tốt được sản xuất ở vùng Tùng-Giang cùng với bảy bộ đồ mới làm để trong rương ra giao cho hòa-thượng chủ trì. Người bện nói:

– Khi bố thí áo quần cho chùa rồi thì ông đâu còn bộ đồ nào để mặc nữa.

Bao-Bằng cười nói:

– Chỉ cần pho tượng của Đức Quan-Âm không bị nắng mưa làm hại, dù ta phải ở trường cũng chẳng sao.

Hòa-thượng chủ-trì cảm động đến chảy nước mắt mà nói rằng:

– Bố thí vàng bạc và áo vải là một chuyện không khó, nhưng tấm lòng hỷ xả của thí chủ mới thật là quý hóa và hiếm có.

Sau khi ngôi chùa được sửa xong, Bao-Bằng cùng thân-phụ đến chùa làm lễ, và đêm đó tá túc tại chùa. Đêm hôm đó Bao-Bằng mơ thấy Thần Hộ-Pháp trong chùa đến tạ ơn và nói rằng:

– Công đức ông làm trong chùa, sau này con của ông sẽ được hưởng.

Về sau con của Bao-Bằng là Bao-Biện, cháu là Thánh-Phương cũng đều đăng khoa và làm quan.

➤ Làng Gia-Thiện có người họ Chi tên Lập, thân-phụ

là một phòng-lại trong Hình-Bộ, thấy một tù-nhân vô tội sắp bị chết chém mà tỏ lòng thương hại nói rằng: Ta sẽ giúp ông minh oan thoát tội.

Tù-nhân cảm động nói với vợ rằng:

– Chi công có lòng giúp ta, chỉ thẹn rằng ta nghèo không biết lấy gì để báo đáp ơn nghĩa đó. Ta nghĩ ra một cách, ngày mai ông ta có công vụ đến làng mình, mình hãy mời ông ta đến nhà ăn một bữa cơm và hãy hầu ông đó một đêm để tỏ lòng biết ơn, như thế ông ta thế nào cũng ra sức để giúp mình.

Người vợ nghe xong lời chồng, biết làm như thế là không đúng, nhưng muốn cứu chồng mình thoát chết, chỉ biết khóc mà vâng lời.

Khi thân-phụ của Chi-Lập đến nhà của tù-nhân, người vợ trong nhà bèn mời ông uống rượu và đem lời của chồng mình nói lại cho ông hay. Ông hiểu ý của đôi vợ chồng này nhưng một mực từ chối và nói rằng:

– Ta cũng như vợ chồng bà, đều không thể làm một chuyện đại đột như vậy. Vì thấy chồng bà bị oan mà muốn ra sức giúp vậy thôi, nào cần vợ chồng bà báo ơn báo nghĩa gì đâu.

Với sự giúp đỡ của vị quan phòng-lại, người tù vô tội được trắng án. Hai vợ chồng tìm đến nhà bá tạ nói rằng:

– Nhờ ân công gia-đình của ta mới được đoàn tụ, ơn này không biết lấy gì để đền đáp, nay ân công không có con, vợ chồng ta có một đứa con gái muốn gả cho ân công làm tỳ thiếp để phụng sự ân công, việc này không trái với đạo lý,

chẳng biết ý của ân công ra sao?

Vị quan phòng-lại thấy hai vợ chồng có lòng thành như vậy, bèn chuẩn bị sính lễ cưới người con gái của hai vợ chồng về làm thiếp. Về sau được một người con, đặt tên là Lập. Chi-Lập đậu trung-khôi vào năm 20 tuổi, và làm quan ở trong Hàn-Lâm-Viện.

Hai người con của Chi-Lập là Chi-Cao và Chi-Lộc đều là cống sinh trong Quốc-tử-giám. Con của Chi-Lộc là Đại-Luân cũng đỗ khoa giáp làm quan trong triều.

Từ mười thí dụ trên cho ta thấy, tuy việc làm không giống nhau nhưng đều quy về nẻo thiện. Nếu xét kỹ mà nói, thì thiện có Chân có Giả, có Đoan có Khúc, có Âm có Dương, có Thị có Phi, có Thiên có Chánh, có Bán có Mãn, có Đại có Tiểu, có Nan có Dị, cần phải phân biệt suy nghĩ. Hành thiện mà không hiểu được lý, đôi khi làm việc sai rồi mà còn cho là đúng, chỉ khổ công và vô ích mà thôi.



Thế nào là Chân-thiện và giả-thiện?

Một nhóm nho sinh hỏi hòa-thượng Trung-Phong¹¹:

– Nhà Phật nói thiện ác báo ứng như hình với bóng, nay thấy nhiều người làm việc thiện nhiều mà con cháu lại không khá. Có người làm việc ác nhiều mà con cháu làm ăn lại thịnh vượng. Lời Phật nói thật không có căn cứ.

Hòa-thượng Trung-Phong nói:

– Người thường khi tục duyên chưa dứt, mắt huệ chưa mở, đôi khi cho việc ác là thiện, cho việc thiện là ác. Đó là thiện ác điên đảo, tự mình không rõ thiện ác mà lại oán người trách Trời Phật là không có báo ứng, như thế là lầm.

Một nho sinh khác hỏi:

– Thiện thì là thiện, ác thì là ác, làm sao gọi là thiện ác điên đảo được?

Hòa-thượng bèn mời từng người trình bày về quan niệm thiện ác của mình.

Một người nói:

– Chửi người đánh người là ác, kính người và lễ độ với người là thiện.

Hòa-thượng Trung-Phong trả lời:

– Chưa hẳn là đúng.

Một người khác nói:

– Tham tài, lấy đồ của người là ác, liêm khiết giữ phận là thiện.

¹¹ Là quốc-sư Phổ-Ứng đời Nguyên

Hòa-thượng Trung-Phong:

– Cũng chưa hẳn là đúng.

Mấy vị nho sinh sau khi trình bày xong quan niệm thiện ác của mình, hòa-thượng Trung-Phong đều cho là không đúng, nên mời hòa-thượng dạy bảo.

Hòa-thượng Trung-Phong nói:

– Phàm việc có ích cho người thì là thiện, có ích cho mình thì là ác. Nếu có ích cho người, thì dù có đánh đập hay mạ lị người đó cũng vẫn là thiện. Nếu là việc có lợi ích cho mình, dù cung kính lễ độ với người cũng vẫn là ác. Cho nên việc hành thiện của một người nếu có ích cho người thì là công, khi đã là công tức là thật. Lợi cho mình thì là tư, đã là tư tức là giả. Việc thiện phát xuất từ tấm lòng thành của mình là chân, nếu động cơ hành thiện là để cho người biết thì là giả. Hành thiện mà vô vi thì là chân, nếu hữu vi thì là giả. Cho nên muốn biết một hành động là thiện hay ác, cần phải xét đến động cơ của việc đó thuộc chân hay giả, thuộc công hay là tư mới có thể phán xét được.

Thế nào là đoan-thiện và khúc-thiện?

Người thường đều cho rằng, kẻ cẩn-nguyện¹² là người thiện. Nhưng Thánh-nhân lại cho rằng những kẻ cuồng¹³ và quyền¹⁴ mới là thiện-nhân. Vì một người cẩn thận nhẹ dạ

¹² Là người cẩn thận, dè dặt, nhưng thiếu ý chí cương quyết.

¹³ Cuồng là người có nghị lực, chí khí.

¹⁴ Quyền là người giữ phận, không dám làm điều quấy

thường thiếu chí cương quyết, xét việc theo cảm tình, dễ gây cho người có quan niệm sai lầm về phương diện đạo-đức¹⁵.

Thánh-nhân cùng Trời đất quý thần xét việc họa phúc theo lẽ phải mà không theo quan niệm thường tình của thế đời. Muốn tích đức, lòng thiện phải chân thật phát từ cõi lòng. Đó là đoan-thiện. Nếu có ti hào thiên lệch về tình ý thì là khúc-thiện. Một lòng thuần tình yêu người là đoan, nếu lòng có ti hào giận đời thì là khúc. Một lòng thuần tình kính người là đoan, có ti hào ý niệm ngoạ đời thì là khúc. Đoan-thiện là ngay, khúc-thiện là lệch, hành thiện theo lý là đoan, theo tình là khúc, không thể không biết.

Thế nào là âm-thiện và dương-thiện?

Phàm làm một việc thiện để cho người biết thì là dương thiện, làm việc thiện mà không cho người hay thuộc về âm đức. Âm-đức sẽ được Trời báo, dương-thiện chỉ là hưởng danh, tức là có tiếng tăm trên đời. Danh cũng là phần phúc, nhưng tạo hóa cũng như người đời thường hay kỵ. Những người có danh vọng cao nhưng không phù với đức của mình thường hay mang họa vào thân. Còn những người vô cố mà bị mang tiếng xấu hay mắc oan, con cháu về sau đều khá. Sự sai biệt giữa âm-đức và dương-thiện thật là vi diệu.

¹⁵ *Thí dụ: Có hảo cảm với một người nào thì hết lòng giúp đỡ. Trái lại, nếu có ác cảm đối với một người, dù thấy chết cũng không cứu.*

Thế nào là thi-thiện và phi-thiện?

Vào thời Chiến-Quốc, dân nước Lỗ thường bị những nước lân cận bắt đi làm sai dịch. Nước Lỗ đặt ra một luật: “Phàm là có người nào lấy tiền chuộc được bá tánh nước Lỗ trở về nước đều được tưởng thưởng”.

Một học trò giàu có của Đức Khổng-Tử là Tử-Cống hay tin này, bèn lấy tiền ra chuộc được một số người về. Nhưng Tử-Cống nghĩ rằng chuộc người về nước là sức mình có thể làm được nên không đi lãnh thưởng. Đức Khổng-Tử hay tin này bèn trách Tử-Cống:

– Con không đi lãnh thưởng là một điều sai lầm, hành động của người quân-tử là phải di phong dịch tục¹⁶, chứ không phải là hành động theo ý muốn riêng tư của mình. Hiện nay ở nước Lỗ, người giàu có thì ít, người nghèo khổ thì nhiều, nhà nước ra lệnh tưởng thưởng cho những người có công chuộc người với mục đích là khuyến khích mọi người ra tiền ra sức để chuộc tù nhân bị bắt về nước. Nay con là người đi trước mà không lãnh thưởng, như thế sẽ làm cho mọi người hiểu lầm rằng cứu người đi lãnh thưởng là một việc tham. Thử hỏi sau này dân trong nước còn ai dám bỏ tiền ra chuộc tù-nhân về nước nữa.

Một học trò khác của Đức Khổng-Tử là Tử-Lộ cứu được một người sắp bị chết đuối. Người thoát nạn tặng một con trâu cho Tử-Lộ để đáp ơn và Tử-Lộ nhận lấy con trâu đó.

¹⁶ Làm cho phong-khí tốt được lưu hành, biến những tập tục xấu trở nên tốt.

Đức Khổng-Tử hay tin này bèn ca ngợi Tử-Lộ và nói rằng:

– Dân nước Lỗ từ nay thích ra sức làm việc nghĩa, vì nghĩa cử của con đã tạo nên một phong trào cứu người mắc nạn.

Trong hai trường hợp cứu người của Tử-Cống và Tử-Lộ, người thường sẽ cho rằng Tử-Cống không nhận tiền thưởng một nghĩa cử cao cả đáng khen, còn Tử-Lộ nhận trâu là một hành động tham lam vụ lợi. Nhưng sự phán xét của Thánh-nhân lại khác hẳn, trách Tử-Cống mà khen Tử-Lộ.

Xét hai thí dụ trên, thiện-hành của Tử-Lộ là thị, hành động của Tử-Cống là phi vậy.

Thế nào là thiên-thiện và chánh-thiện?

Lữ-Văn-Ý là một vị quan thanh liêm chính trực, khi già về hưu trở về cố lý, được dân trong làng ngưỡng mộ và tôn kính. Một hôm có kẻ vô lại trong làng uống rượu say, nặng lời sỉ vả Lữ công. Người bộc trong nhà giận, muốn bắt nạp cho quan huyện để trị tội. Lữ công nói rằng:

– Người say rượu đã mất đi lý trí, chỉ nên thương hại, chớ nên trách phạt làm chi.

Vài năm sau, tên vô lại đó phạm trọng tội và bị kết án tử hình. Lữ công hay tin này, cảm thấy hối hận, tự trách rằng:

– Đó một phần cũng là lỗi lầm của ta. Phải chi mấy năm trước ta nhẹ tay trừng phạt để răn nó, nó còn biết sợ đến phép nước mà không dám làm càn. Không ngờ lòng nhân

hậu của ta chẳng những không có ích, mà còn làm hại đến người.

Đó là lòng tốt mà đưa đến kết quả xấu.

Lại có lòng ác mà hành thiện. Như một phú ông nọ, gặp nạn mất mùa, nhiều người ngang nhiên cướp giựt ở ngoài chợ. Phú ông báo cho quan huyện hay, nhưng quan huyện làm ngơ, bọn người cướp giựt thấy thế lại càng hoành hành. Trong trường bất đắc dĩ này, phú ông phải bỏ tiền ra mướn những tráng đinh khỏe mạnh để bắt lấy bọn cướp. Người nào bị bắt, đều bị đem ra bêu xấu ở ngoài chợ. Bọn trộm thấy thế mà sợ, và từ đó loạn cướp giựt mới được yên.

Mọi người đều biết làm thiện là chính, làm ác là thiên (*thiên lệch*), còn dùng lòng tốt mà hành việc ác, tuy là chính, nhưng sự thực thì đã thiên lệch. Đó là trong cái chính có cái thiên ở trong đó. Lòng xấu mà hành việc thiện, bề ngoài tuy là ác nhưng thực ra là thiện. Đó là trong cái thiên có cái chính ở trong đó.

Thế nào là bán-thiện và mẫn-thiện?

Kinh Dịch viết: “Không tích thiện, không đủ thể thành danh. Không tích ác thì không đủ để diệt thân”. Sách Thượng-Thư viết: “Tội ác của vua Trụ nhà Thương như bình chứa đồ, càng chứa càng đầy, nếu không chứa thì không khi nào đầy vậy”.

➤ Ngày xưa có một thiếu nữ nhà nghèo đi chùa, muốn bố thí nhưng không có tiền, xét trong mình ra chỉ được có hai đồng tiền, bèn đem ra cúng dường cho chùa. Hòa-thượng chủ trì thấy vậy liền đích thân làm lễ sám hối và cầu phúc cho thiếu nữ này. Về sau thiếu nữ được tuyển vào cung, trở nên giàu có, mang ngàn lạng vàng ra bố thí cho chùa. Nhưng hòa thượng chủ trì chỉ sai học trò của ông ra làm công đức hồi hướng mà thôi. Nữ thí chủ không hài lòng, bèn tìm đến hòa thượng mà nói rằng:

– Mấy năm trước ta chỉ bố thí có hai đồng tiền thôi, hòa-thượng đã đích thân vì ta cầu phúc. Nay ta bố thí hàng ngàn lạng vàng hòa-thượng chỉ sai học trò ra tiếp đãi ta, chẳng lẽ ta không được hậu lắm hay sao?

Hòa-thượng chủ trì đáp:

– Lúc trước tuy thí-chủ chỉ bố thí có hai đồng tiền, nhưng lòng của thí chủ rất là chân thật, nếu bần-tăng không đích thân ra cầu phúc thì không thể đáp lại công bố thí của thí-chủ. Nay của bố thí của thí-chủ so với trước tuy nhiều gấp ngàn lần, nhưng lòng thành của thí-chủ chỉ là một phần ngàn của lúc trước mà thôi, cho nên chỉ cần học trò của bần-tăng cầu phúc cho thí chủ là đủ.

Bố thí hai đồng tiền mà được phúc lớn, đó gọi là mãn-thiện (*việc thiện được tròn đầy*). Bố thí ngàn lạng vàng mà được phúc ít, đó là bán-thiện (*việc thiện chỉ được có một nửa*) vậy.

☞ Ngày xưa bát Tiên Lữ Động-Tân theo Hồn Chung-Ly tổ-sư học đạo. Một hôm tổ-sư nói với Lữ Động-Tân rằng:

– Con theo thầy đã lâu và có lòng học đạo, nay thầy truyền cho con phép “Điểm thạch thành kim” (*Chỉ đá thành vàng*), con muốn học chẳng? Lữ Động-Tân nghe thầy mình nói vậy rất mừng, vì nghĩ rằng nếu học được phép này có thể dùng đá biến thành vàng để giúp đỡ những người nghèo khổ, nhưng trong lòng còn hoài nghi, bèn hỏi Chung-Ly tổ-sư:

– Bạch thầy, khi phép đã biến đá thành vàng rồi chẳng biết vàng đó có còn biến trở lại thành đá không? Chung-Ly tổ-sư đáp:

– Năm trăm năm sau sẽ biến trở lại thành đá. Lữ Động-Tân nghe thầy nói thế bèn trả lời:

– Như thế thì con không học phép này, vì 500 năm sau, vàng đá này sẽ làm cho sở hữu chủ của nó phải phá sản.

Chung-Ly tổ-sư cười và nói:

– Người tu hành cần phải hội đủ ba ngàn công mới có thể chứng quả. Với tấm lòng từ-bi rộng lượng của con, chỉ một lời nói đó đã hội đủ ba ngàn công rồi, nay thầy có thể đem tâm-pháp truyền cho con.

Nếu hành thiện mà lòng không chấp vào việc thiện đã làm, việc làm này sẽ được tròn đầy. Nếu tâm chấp vào việc thiện đã làm, dù suốt đời lao碌 vào công việc từ thiện,

nhưng việc thiện cũng chỉ được một nửa mà thôi. Thí dụ, lấy tài vật giúp đỡ người, trong lòng không biết mình đã làm việc bố thí, ngoài không thấy người nhận của bố thí, giữa không thấy vật bị bố thí. Như thế gọi là “Tam luân thể không”, đó là tâm đã thanh tịnh, bao la như thái-hư, dù chỉ bố thí có một đồng tiền nhưng phúc đức lại vô lượng. Trái lại, nếu bố thí mà lòng chấp trước thì dầu bố thí ngàn lượng vàng, nhưng phúc cũng không được tròn đầy.

Thế nào là đại-thiện, tiểu-thiện?

➤ Ngày xưa quan Hàn-Lâm-Viện là Vệ-Trọng-Đạt, một lần mang bệnh, hồn bị nhiếp xuống âm-phủ. Diêm-Vương sai phán quan lấy hai cuốn sổ ghi chép việc thiện ác của Vệ-Trọng-Đạt ra xem, thấy cuốn sổ ghi điều ác đều chép đầy sổ, còn cuốn sổ ghi điều thiện chỉ có vài hàng chữ mà thôi. Diêm-Vương cho lại sai phán-quan lấy cân ra cân, thấy cuốn sổ ghi điều thiện tuy ít nhưng lại nặng hơn cuốn sổ ghi điều ác. Vệ-Trọng-Đạt ngạc nhiên hỏi Diêm-Vương:

– Tuổi ta chưa đầy bốn mươi, sao lại phạm nhiều lỗi như thế.

Diêm-Vương đáp:

– Nảy ra một ý niệm bất chính là đã gây nên tội lỗi.

Vệ-Trọng-Đạt lại hỏi:

– Cuốn sổ ghi việc thiện chỉ có vài dòng, ghi chép điều gì mà lại nặng hơn cuốn kia vậy.

Diêm-Vương trả lời:

– Có một lần triều-đình ra lệnh tu sửa cầu đá Tam-Sơn ở tỉnh Phước-Kiến, ông thấy công trình lớn lao, hao phí tài lực của nhân dân nên viết sớ tâu cho vua hay để thôi việc xây cất, cho dân bớt khổ. Những dòng chữ trong cuốn sớ thiện chính là đơn của ông trình cho nhà vua.

Vệ-Trọng-Đạt:

– Tuy rằng ta có trình tâu cho vua hay, nhưng không được vua chấp thuận.

Diêm-Vương:

– Tuy không được nhà vua chấp thuận, nhưng lòng tốt của ông đã có công trong việc này. Nếu được vua chấp thuận thì công này lại càng lớn thêm, vì hàng vạn dân đều đội ơn.

Cho nên có công đối với nước là lớn, công ở nơi mình thì nhỏ.

Thế nào là nan-thiện và di-thiện?

Tiên nho thường nói: Muốn khắc kỷ là phải từ chỗ khó mà dùng công phu. Bàn về chữ nhân, Đức Khổng-Tử cũng nói là “tiên nan”, nghĩa là muốn đạt được điều nhân, trước hết phải từ chỗ khó bắt đầu, việc gì người khác không làm được mình phải làm cho được, người khác nhịn không được mình phải nhịn được. Như thế mới mong đạt được hiệu quả. Như tỉnh Giang-Tây người có cụ đồ họ Thư, thấy gia đình của một học trò vì thiếu tiền người mà phải cho vợ đi làm tì thiếp để trả nợ. Thư công thấy vậy, bèn đem tiền lương dạy học hai năm của mình giúp học trò nghèo này trả nợ, để vợ

chồng người khỏi chịu cảnh chia ly. Ở Hàm-Đan có người họ Trương, đem số tiền dành dụm 10 năm của mình ra giúp người chuộc vợ. Đó là hai thí dụ người thường khó làm mà làm được, khó xả mà lại xả được.

Ở phủ Trấn-Giang tỉnh Giang-Tô có người họ Cận, tuổi già không con, người vợ sai người qua làng kế mua gái nhà nghèo về cho ông làm thiếp. Nhưng ông nghĩ tuổi mình đã già nên không nỡ nạp gái tơ làm thiếp, bèn giao trả người con gái về nhà mà không nhận lại tiền. Đó là một thí dụ khó nhịn mà nhịn được, cho nên Trời giáng phúc cho những người này cũng lớn.

Người giàu muốn bố thí là một chuyện dễ nhưng lại thường hay bủn xỉn mà không làm. Trái lại, bố thí là một việc khó đối với người nghèo, nhưng việc khó mà lại làm được mới là quý vậy.

Tùy duyên cứu người và giúp người có nhiều cách, nhưng có thể tóm tắt thành mười loại như sau:

- 1- Dụ người hành thiện
- 2- Tôn lòng kính và yêu người
- 3- Làm trọn vẹn lòng tốt của người
- 4- Khuyên người hành thiện
- 5- Cứu người trong lúc nguy cấp
- 6- Xây cất công trình hữu ích

- 7- Bỏ tiền làm phước
- 8- Hộ trì chánh pháp
- 9- Kính trọng bậc tôn trưởng
- 10- Tiếc thương sinh mệnh của loài vật.

Thế nào là dụ người hành thiện?

Ngày xưa vua Thuấn ở Lôi-Trạch, thấy người bắt cá nơi sông đều tranh nhau dành chỗ nước sâu, còn người già cả vì không đủ sức tranh nhau với người trẻ đều phải bắt ở chỗ nông cạn hay nơi nước chảy xiết, nên thường không bắt được cá. Vua Thuấn nhìn thấy cảnh này mà động lòng trắc-ẩn, cũng xuống sông bắt cá. Thấy người nào tranh với mình cũng không tỏ vẻ giận hờn và chỉ trích, mà lại còn nhường chỗ tốt của mình cho người. Nếu thấy có người nào nhường chỗ thì lên tiếng khen ngợi người đó. Sau khi vua Thuấn bắt cá ở vùng Lôi-Trạch được một năm, mọi người đều noi gương của vua Thuấn mà nhường chỗ cho nhau.

Với tài anh minh của vua Thuấn há không thể dùng lời nói để khuyên người hay sao? Nhưng lại lấy thân hành làm mô phạm để người theo.

Chúng ta đang ở trong thời kỳ mạt-pháp, chớ nên lấy sở trường của mình mà lấn át người, chớ nên lấy điều tốt của mình mà khoe người, chớ nên lấy tài năng của mình mà làm

khổ cho người, thu liễm tài trí như hư như không. Nên bao dung và che đậy lỗi lầm của người, thứ nhất là để người có cơ hội sửa chữa, thứ hai là để người biết rõ lỗi mình mà hối hận, không dám tái phạm. Thấy được cái tốt của người thì nên noi gương mà làm theo. Trong sinh hoạt hàng ngày, mỗi một lời nói, một việc làm, đều không nghĩ vì mình mà nghĩ vì một chữ công, như thế mới là độ lượng của người quân-tử.

Thế nào là tôn lòng yêu kính?

Nếu chỉ xét vẻ bề ngoài, quân-tử và tiểu-nhân thường hay lẫn lộn, mà phải xét đến sự tôn tâm mới phân biệt được. Cho nên người quân-tử khác với người là ở chỗ tôn tâm mà thôi. Sự tôn tâm của người quân-tử là hằng thương yêu người và tôn kính người.

Người có thân sơ, hiền ngu, và vạn vật tuy nhiều, nhưng ta đều có thể xem như là đồng bào mà tôn kính và thương yêu. Kính yêu mọi người tức là kính yêu Thánh Hiền. Hiểu rõ được chí của mọi người tức là hiểu rõ được chí của Thánh Hiền. Vì chí của Thánh Hiền là muốn thiên hạ an cư lạc nghiệp, cho nên nếu ta thương người và yêu người tức là thay thế Thánh Hiền để lo cho thiên hạ vậy.

Thế nào là thành nhân chi mỹ ¹⁷?

Ngọc ở nơi đá, nếu vớt bừa bãi thì chẳng khác gì đá vụn, còn như mang đi mài dũa thì sẽ trở thành một miếng ngọc quý. Nếu ta thấy một người làm việc thiện, hay là người có chí muốn làm việc thiện, ta nên ra tay trợ giúp để hoàn thành việc tốt của người. Hoặc là ra lời khen ngợi, hoặc là ra sức giúp đỡ, hoặc khi người bị hiểu lầm ta ra lời thanh minh, hoặc người bị hủy báng ta ra tỏ vẻ chia buồn và an ủi, để người không nản chí mà làm trọn việc lành.

Người thường có tính hay bài xích dị kỷ, đại để người thiện thì ít và người xấu thì nhiều, nên người tốt thường ở thế cô. Hơn nữa, xưa nay tính tình của các bậc hào kiệt không thích chạy theo thói đời, cho nên người hiền làm việc tốt thường hay bị hủy báng. Trong trường hợp này nếu có các bậc trưởng thượng nhân đức ra sức khuông chính, để người hủy báng hiểu rõ sự lý, việc thiện của người hiền mới dễ đạt thành.

Thế nào là khuyên người hành thiện?

Nhân chi sơ, tính bản thiện. Đã sinh ra làm kiếp người, người nào chẳng có lương-tâm, nhưng đường đời dịch dịch, hai chữ danh lợi dễ làm cho người sa ngã mà quên đi bản tính ban đầu. Cho nên xử thế giao thiệp với người, thấy hành động và việc làm của một người trái ngược với đạo lý thì ra

¹⁷ Làm cho việc tốt của người được trọn vẹn

lời khuyên răn, để người quay về nẻo thiện. Tỷ như một người sau một cơn mê dài, ta lên tiếng để đánh thức họ, một người đang trong cơn ưu phiền ta tìm cách làm nguôi nỗi sầu của họ. Tùy thời, tùy lúc ta đều có thể làm những việc ban ơn bằng miệng cho người. Hàn-Dũ¹⁸ nói: “Khuyên người một thời bằng miệng, khuyên người trăm đời bằng sách”. Cho nên ra lời khuyên người hay ấn tống kinh sách để khuyên đời là một thiện lớn. So với điều “Dụ người hành thiện”, Khuyên người hành thiện tuy là có hình tích, nhưng nếu như người thầy thuốc biết căn cứ vào bệnh tình của bệnh nhân mà cho thuốc, thì vẫn đạt được hiệu quả và không thể thiếu vậy.

Thế nào là cứu người trong lúc nguy cấp?

Lưu-ly, hoạn-nạn, mỗi người chúng ta đều có thể gặp phải. Trong trường hợp thấy người gặp nạn ta phải tỏ lòng thương hại như chính ta đã gặp phải mà tìm cách cứu người rời khỏi cơn nguy cấp đó. Như gặp người bị oan uất, ta dùng lời lẽ biện minh cho họ. Nếu gặp người liên tục trong cảnh nguy khốn, ta phải tìm đủ mọi phương tiện để giúp đỡ. Thôi-tử¹⁹ nói: “Ốn huệ cho người không cần lớn, giúp người qua cơn nguy cấp là được”. Đó là một lời của kẻ nhân đức. Quý thay!

¹⁸ Một đại văn-hào đời Đường

¹⁹ Thôi-Tiến, người đời Minh, đậu tiến-sĩ đời vua Hiếu-Tông, làm quan đến chức Lễ-Bộ Thị-Lang.

Thế nào là xây cất công trình hữu ích?

Nhỏ thì ở trong làng, lớn thì ở nơi ấp, phàm là công trình có lợi ích công cộng, như khai mương để dẫn thủy nhập điền, đắp đê để phòng lụt lội, xây cầu đắp đường để người tiện bề đi lại, hay là lập trạm bố thí thức ăn nước uống cứu người nghèo đói... Khi làm những việc này, không sợ bị người hiềm nghi, và cũng không ngại lao khổ mà thối chí. Chẳng những ra sức làm, mà còn ra lời khuyên, để mọi người góp sức, cùng nhau hoàn thành việc thiện.

Thế nào là xả tài làm phúc?

Vạn hạnh của nhà Phật lấy bố-thí làm đầu. Bố-thí chỉ là một chữ xả mà thôi, xả tức là cho người mà không lấy làm tiếc. Người thông đạt được chân lý như Phật, Bồ-Tát, thì nội xả được lục-căn²⁰, ngoại xả lục-trần²¹, có nghĩa là chẳng có vật gì mà không xả được. Người thường chúng ta không làm được như Phật và Bồ-Tát, thì phải từ bố-thí tiền bạc bắt đầu. Ăn mặc là điều cần thiết của loài người, và muốn có ăn có

²⁰ *Lục-căn*: Nhãn (mắt), Nhĩ (tai), Tỉ (mũi), Thiệt (lưỡi), Thân (thân mình), Ý (ý niệm).

²¹ *Lục-trần*: Sắc (cái gì mắt có thể nhìn thấy được), Thanh (những gì tai có thể nghe được), Hương (những gì mũi có thể ngửi được), Vị (những gì lưỡi có thể nếm được), Xúc (thân người cảm xúc được), Pháp (Lòng người nảy sinh ra một ý niệm, dù tốt hay xấu, đều gọi là pháp)

ăn mặc thì phải có tiền mới thỏa mãn được. Cho nên bố-thí tài vật là một điều quan trọng, một là có thể cứu giúp người, hai là có thể giúp ta trừ đi được tính bủn xỉn và lòng tham, mà trở thành con người khảng-khái. Ban đầu tuy rằng hơi miễn cưỡng, nhưng dần dần sẽ trở nên tự nhiên.

Thế nào là hộ trì chánh-pháp?

Pháp là cặp mắt vạn đời của muôn vạn sanh linh. Nếu không có chánh-pháp thì loài người không thể sánh cùng Trời đất và cũng không thể cùng Trời đất hóa dục vạn vật, không thoát ly được sự thúc phược của phiền-nã, không thể biết được phương pháp nhập thế để trị đời, cũng không biết được phương pháp xuất thế chứng đạo để cứu chúng-sinh rời bến mê mà lên bờ giác ngộ. Cho nên, phàm thấy hình tượng của Thánh hiền, kinh thi điển tịch, đều phải kính trọng và nếu có chỗ như nhuộm hay rách nát thì nên chỉnh đốn lại. Còn như trợ giúp về việc hoành dương chánh-pháp lại là một việc nên làm để cứu rỗi chúng sinh và báo ơn Phật.

Thế nào là kính trọng tôn trưởng?

Ở nhà là cha mẹ anh chị, ở nước là người lãnh đạo, phàm những người tuổi tác hơn ta, tài đức hơn ta, địa vị hơn ta, kiến thức hơn ta, đều phải kính trọng. Tại nhà, phụng sự cha mẹ phải có lòng thương yêu và tôn kính, nói chuyện với cha mẹ phải hòa nhã ôn tồn. Nếu làm được như vậy thì là

một đặc tính tốt, đó là khí thái-hòa, có thể cảm cách thiên địa. Khi rời khỏi gia đình ra giúp việc nước, mỗi khi làm một việc, không thể vì cấp trên không biết mà tự ý hành động. Khi xét tội của một người, không thể vì thượng cấp không biết mà lạm dụng quyền thế của mình để tác oai tác quái. Người xưa thường hay lấy câu: “Cha mẹ và Quân-vương lớn như Trời, phải kính cẩn phụng sự” để khuyên đời. Nên thực hành theo lời nói này, vì hai chữ trung hiếu quan hệ mật thiết với âm đức. Thử xem xưa nay con cháu của các bậc trung thần hiếu tử có người nào không thịnh.

Thế nào là thương tiếc sinh mệnh của loài vật?

Con người chúng ta sở dĩ là người là vì có lòng trắc-ẩn. Cầu đức nhân tức là cầu lấy lòng này, tích đức cũng là tích lấy lòng này. Sách Châu-Lễ chép: “Không nên dùng vật cái để tế lễ trong tháng đầu của mùa Xuân”, vì e rằng vật cái có chửa. Thầy Mạnh-Tử nói: “Người quân-tử rời xa nhà bếp”, đó là lòng trắc-ẩn, không nỡ nhìn thấy loài vật bị giết. Đối với người không bỏ được thịt mà ăn chay, người xưa có bốn điều khuyên răn như sau:

– Nghe tiếng con vật kêu than trong lúc bị giết, thịt của con vật đó không nên ăn.

– Trông thấy con vật bị giết, thịt của con vật đó không nên ăn.

– Vật do mình nuôi thì không nên giết ăn.

– Vật vì mình mà giết thì không nên ăn.

Đó là một phương pháp để nuôi dưỡng lòng từ bi và dần dần sẽ trở nên tự nhiên.

Chẳng những không nên sát hại loài vật để ăn thịt, nhất thiết loài xuẩn động đều có sinh mệnh, như nấu kén để lấy tơ, cuốc đất trồng trọt làm tổn thương đến loài vật cũng là sát sanh vậy. Ngày thường, tay của ta làm ngô thương, chân ta ngộ đạp chết biết bao nhiêu sinh mạng của loài côn trùng, cho nên không thể không chú ý. Người xưa nói: “Yêu chuột thì để cơm thừa, thương ngài không nên thắp đèn”. Lời này thật là nhân từ vậy.

Hành thiện có nhiều phương pháp, không sao kể cho hết. Nhưng nếu từ mười điểm trên mà suy diễn, khuếch sung, thì vạn đức đều quy tụ.



4) Đức khiêm

Kinh Dịch viết: “Đạo Trời làm giảm đi phần đầy mà bổ ích cho phần thiếu. Đạo của Đất làm biến đổi phần đầy để bù vào chỗ khiếm. Quỷ Thần làm hại những gì quá mãn mà gieo phúc cho đức khiêm. Đạo người thì ghét những người tự kiêu tự mãn mà thích người có đức khiêm tốn. ”

Trong số 64 quẻ của kinh Dịch, chỉ có quẻ Khiêm là được sáu hào đều tốt. Đủ thấy đức khiêm hệ trọng đến thế nào. Sách Thượng-Thư chép: “Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích” (*Đầy sẽ chuốc lấy sự thiếu thốn, khiêm thì sẽ được sự ích lợi*).

Ta thường đi ứng thi với nhiều người bạn, mỗi khi thấy những kẻ hàn sĩ sắp đỗ đạt, đều thấy họ là những người có đức khiêm-tốn đáng được ca tụng.

➤ Vào năm Tân-Mùi, ta lên kinh dự kỳ thi hội, huyện Gia-Thiện có tất cả 10 người đi chung với ta, trong đó có một người họ Đinh tên Kính, hiệu Vũ-Tân, là người nhỏ tuổi nhất và là một người cực kỳ khiêm tốn. Ta nói với người bạn thân là Phí-Cẩm-Ba rằng:

– Trong kỳ thi này Đinh-Kính thế nào cũng đậu.

Phí-Cẩm-Ba ngạc nhiên hỏi lại:

– Làm sao huynh biết được?

Ta nói rằng:

– Người có đức khiêm-tốn sẽ được phúc. Huynh thấy, trong nhóm chúng ta có tất cả 10 người, có người nào thành thật, chất phác, như Đinh-Kính chăng? Có người nào cung kính và nhún nhường bằng Đinh-Kính chăng? Lại nữa, mỗi khi bị người làm nhục, anh ta không khi nào lên tiếng cãi lại, khi bị người hủy báng cũng không ra lời biện bạch. Một người như thế, quỷ Thần thế nào cũng hộ trì, lẽ nào mà không đậu. Đến ngày công bố kết quả, Đinh-Kính quả nhiên trúng thi.

➤ Năm Đinh-Sửu, cùng với người bạn Phùng-Khai-Chi ở chung nhau trong kinh thành, thấy tính tình của người bạn này trở nên khiêm-tốn nhún nhường, khác hẳn với trước thiếu thời. Chi có một người bạn lòng Lý-Tễ-Nghiêm, là người có tính nói thẳng, mỗi khi thấy Chi có chỗ nào không đúng, Nghiêm đều hay nặng lời chỉ trích. Nhưng không khi nào thấy Chi giận hờn, và cũng không khi nào trả đũa. Thấy như vậy, ta nói với Chi rằng:

– Người có phúc căn thế nào cũng được phúc, người có điềm xấu thế nào cũng mắc họa. Tính của huynh khiêm tốn, hòa-ái như vậy, thế nào Trời cũng giáng phúc. Kỳ thi năm nay chắc chắn sẽ có tên huynh.

Quả nhiên, đúng với lời dự đoán của ta, Phùng-Khai-

Chi thi đỗ vào năm đó.

➤ Triệu-Du-Phong, người huyện Quán, tỉnh Sơn-Đông, chưa đầy 20 tuổi đã thi đậu cử-nhân, nhưng thi mãi vẫn không đậu tiến-sĩ. Thân-phụ của Du-Phong là quan tam-doãn²² của huyện Gia-Thiện, và Du-Phong đi theo người cha đến nhiệm sở. Vì hâm mộ tài học của Tiền-Minh-Ngô, một người có học vấn uyên thâm trong huyện, Du-Phong viết một bài văn cho Tiền-Minh-Ngô, xin chỉ giáo. Người họ Tiền đọc qua bài văn, chẳng nói chẳng rằng, lấy bút ra gạch nguyên cả bài văn của Du-Phong. Trong trường hợp này, nếu là người thường tất sẽ nổi trận lôi đình. Nhưng Du-Phong chẳng những không giận, mà lại còn tỏ vẻ khiêm tốn, nhờ Tiền-Minh-Ngô chỉ điểm chỗ sai và lập tức sửa lấy.

Qua năm sau, Triệu-Du-Phong thi đỗ tiến-sĩ.

➤ Làng Giang-Âm tỉnh Giang-Tô có người Trương-Úy-Nham, tài học hơn người, ai nấy đều khen. Năm giáp ngọ lên Nam-Kinh dự kỳ thi hương và ở trọ tại một ngôi chùa. Đến

²² *Quan chủ-bộ của một huyện. (Quan trong huyện, lớn nhất là đại-doãn, tức là tri-huyện, kế là nhị-doãn, tức là huyện-thừa, sau nhị-doãn thì là tam-doãn).*

ngày công bố kết quả thấy trong bảng không có tên mình, Nham giận và mắng quan chủ khảo có mắt mà không người. Trong lúc đó, một đạo-sĩ nghe được bèn cười rằng:

– Chắc bài văn của các-hạ không khá nên mới bị đánh rớt.

Nham nổi nóng nói với đạo-sĩ:

– Thầy đã đọc bài văn của ta chưa mà dám nói rằng văn của ta không hay?

Đạo-sĩ đáp rằng:

– Ta nghe người xưa nói, kẻ sĩ có thái độ ung dung hiền hòa mới viết được văn hay. Nay thấy trong lòng các-hạ có sự bất bình, ra lời mắng nhiếc quan chấm thi, đủ thấy bài văn của các-hạ đã thua kém người khác, làm sao mà hay được.

Nham nghe lời của đạo-sĩ nói có lý, bèn bái tạ và xin đạo-sĩ chỉ điểm.

Đạo-sĩ nói:

– Người trúng tuyển hay không đều là số mệnh. Không có số mệnh trúng thì dù có tài cũng không thể đỗ. Các-hạ phải tự thay đổi số mệnh của mình, như thế mới có hy vọng đỗ đạt sau này.

Nham hỏi:

– Đã là do số mệnh định đoạt, như thế thì làm sao thay đổi được.

Đạo-sĩ đáp:

– Tạo nên mệnh là do Trời, nhưng lập mệnh là do chính ta. Nếu một lòng hành thiện, quảng tích âm-đức, lẽ nào phúc

lại không đến.

Nham nói:

– Ta chỉ là kẻ bán sĩ, làm sao mà tích đức được.

Đạo-sĩ:

– Việc tu thiện tích đức là ở nơi tâm, như đức khiêm-tốn chẳng hạn, chẳng cần tốn đồng tiền nào cả, tại sao các-hạ không tự phản tỉnh lấy mình mà lại đem lòng oán hận đến quan chấm thi?

Sau khi được đạo-sĩ chỉ điểm, Trương-Úy-Nham bắt đầu sửa đổi tính nết của mình và làm việc hữu ích cho người. Đến năm Đinh-dậu, một hôm nằm mơ thấy mình đi vào một căn phòng của một tòa lâu đài cao lớn, trong phòng có một cuốn sổ để trên bàn. Khi lật ra xem, thấy trong sổ liệt kê tên họ của nhiều người, trong đó lại có nhiều chỗ trống. Nham hỏi một người trong nhà, người đáp rằng:

– Sổ này ghi danh sách của những người sẽ thi đỗ năm nay, nơi âm-ty ba năm khảo sát một lần. Những chỗ trống trong sổ là tên của những người đúng ra sẽ được chấm đậu, nhưng vì phạm phải lỗi lầm nên lại bị xóa đi.

Người ấy lại lật qua một trang khác, chỉ vào một hàng và nói với Nham rằng:

– Trong ba năm nay, ông đã tự kiểm điểm lấy hành vi của mình và làm nhiều điều thiện, nên năm nay có thể ông sẽ được bù vào chỗ khuyết này, mong ông hãy tự trọng lấy.

Trong kỳ thi năm đó, Trương-Úy-Nham quả nhiên thi đỗ cử-nhân và được xếp hạng thứ 105.

Từ những thí dụ trên cho ta thấy: “Trên đầu ba thước đều có Thần-Minh giám xét, muốn gặp lành tránh họa tự nhiên là do chính ta”. Một người luôn luôn cẩn thận về lời nói và hành vi của mình, không hổ thẹn với người, không đắc tội với Trời đất quỷ Thần, trong lòng khiêm tốn nhún nhường, sẽ được Trời đất quỷ Thần thương mà giáng phúc. Trái lại, kẻ hay tự mãn kiêu ngạo thường là người không có phúc, và dẫu có, cũng không được lâu dài.

Người có trí-tuệ, minh lý, tất nhiên không muốn có một tấm lòng hẹp hòi mà cự tuyệt cái phúc Trời giáng cho mình. Huống chi một người khiêm-tốn nhã nhặn, có thể tiếp nhận lời khuyên răn chỉ dẫn của tha nhân mà học được những cái hay của người. Do đó đức khiêm-tốn là một điều không thể thiếu được trên con đường tu thân tích phúc.

Người xưa nói: “Có chí nơi công danh tất được công danh. Có chí nơi phú quý tất được phú quý”. Người có chí như cây có rễ. Lập chí này, nên luôn luôn khiêm tốn, dù chỉ là một sự việc nhỏ nhen, đều nên ra tay trợ giúp người. Như thế tự nhiên Trời đất sẽ cảm động và phúc sẽ đến với ta. Những người muốn cầu công danh, nhưng không được toại là ban đầu tuy có lập chí, nhưng chỉ là cảm hứng một thời mà không có thủy chung.

Thầy Mạnh-Tử nói với Lương-Huệ-Vương:

– Một mình vua thích âm nhạc tốt hay là cùng chia vui

với bá tánh tốt?

Lương-Huệ-Vương đáp:

– Cùng hưởng với bá tánh tốt hơn.

Thầy Mạnh-Tử nói:

– Nếu vua cùng vui với bá tánh, nước Tề như thế sẽ cường thịnh.

Một người làm điều nhân, nếu đem lòng thương đến cho mọi người thì mọi người đều chịu ơn huệ. Người chịu ơn huệ tất nhiên cũng sẽ hành đức nhân, và mọi người đều làm như thế thì cả nước đều sống trong cảnh thanh bình an lạc.

Phương pháp cầu công danh của ta cũng thế. Trước hết là lập định chí hướng của mình, sau đó một lòng làm việc thiện. Ngày qua ngày, tháng qua tháng đều tận tâm hết sức, và như thế dần dần cải tạo được số mệnh. Vì ta giúp người, Trời sẽ giúp ta. Mệnh do tự mình mình tạo là vậy.



Tiểu sử của Viên-Liễn-Phàm tiên-sinh

Bổn danh của tiên-sinh là Viên-Hoàng, tự là Khôn-Nghi, người huyện Ngô-Giang tỉnh Giang-Tô Trung-Hoa. Thời tráng niên, tiên-sinh ở rể trong nhà họ Thù, huyện Gia-Thiện, tỉnh Chiết-Giang. Ông đỗ cử-nhân vào năm Long-Khánh năm thứ 4 vua Mục-Tông đời Minh (năm 1570), đỗ Tiến-sĩ vào năm Vạn-Lịch thứ 14 đời vua Thần-Tông (năm 1586), và được bổ nhiệm làm tri-huyện huyện Bảo-Chì của tỉnh Hà-Bắc.

Gia đình của tiên-sinh tuy không khá giả, nhưng tính ông cần kiệm và thường hay bố thí giúp người. Ngoài việc hành thiện, tiên-sinh cũng tu tập thiền, dù bận bịu với công vụ, nhưng sớm tối ông đều không quên tụng kinh ngời thiền. Trong khoảng thời gian này, ông viết cuốn “Giới-Tử-Văn” để khuyên con, và được lưu truyền đến ngày nay, tức là cuốn “Liễn-Phàm Tứ-Huấn” này.

Tiên-sinh có một người vợ hiền-thục, thường trợ giúp ông trên con đường bố thí hành thiện. Có một lần bà muốn mua vải bông may áo cho con để mặc trong lúc mùa Đông, ông nói với người vợ rằng:

– Nhà ta có sẵn tơ, vừa ấm lại vừa nhẹ, sao phu-nhân không mang đi may mà còn mua thêm vải bông làm gì cho thêm tốn tiền.

Phu-nhân đáp:

– Tơ đắt hơn vải bông, cho nên thiếp muốn mang tơ ra ngoài tiệm để đổi lấy vải bông, như thế ta có thể may thêm vài chiếc áo khác để tặng cho những người nghèo.

Tiên-sinh nghe xong rất hài lòng và nói:

– Phu-nhân có lòng thành bố thí như vậy, con ta sau này thế nào cũng được phúc báo.

Con của tiên-sinh là Viên-Nghiêm về sau thi đỗ tiến-sĩ, và làm quan đến chức tri-huyện của huyện Cao-Yếu, tỉnh Quảng-Đông mới hồi hưu.

MUC LUC

1) Phương pháp lập mệnh.....	5
2) Phương pháp sửa lỗi.....	14
Thứ nhất là phải có lòng sỉ.....	15
Thứ hai là phải có lòng kính sợ.....	15
Thứ ba là phải có lòng can đảm.....	16
Thế nào gọi là từ tâm mà sửa.....	18
3) Phương pháp tích thiện.....	21
Thế nào là Chân-thiện và giả-thiện?.....	33
Thế nào là đoan-thiện và khúc-thiện?.....	35
Thế nào là âm-thiện và dương-thiện?.....	36
Thế nào là thị-thiện và phi-thiện?.....	37
Thế nào là thiên-thiện và chánh-thiện?.....	38
Thế nào là bán-thiện và mẫn-thiện?.....	39
Thế nào là đại-thiện, tiểu-thiện?.....	42
Thế nào là nan-thiện và dị-thiện?.....	43
Thế nào là dụ người hành thiện?.....	45
Thế nào là tổn lòng yêu kính?.....	46
Thế nào là thành nhân chi mỹ?.....	47
Thế nào là khuyến người hành thiện?.....	47
Thế nào là cứu người trong lúc nguy cấp?.....	48
Thế nào là xây cất công trình hữu ích?.....	49
Thế nào là xả tài làm phúc?.....	49
Thế nào là hộ trì chánh-pháp?.....	50
Thế nào là kính trọng tôn trưởng?.....	50
Thế nào là thương tiếc sinh mệnh của loài vật?.....	51
4) Đức khiêm.....	53